

# TIẾP CẬN CẤU TRÚC CỦA HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP THEO LÍ THUYẾT HOẠT ĐỘNG CỦA A.N. LEONCHIEV

**TS. LÊ MINH NGUYỆT**  
Trưởng Đại học Sư phạm Hà Nội

## 1. Đặt vấn đề

Có một bất cập trong khoa học giáo dục, hoạt động học là nhân tố quyết định đến việc dạy học trong nhà trường, nhưng lại được nghiên cứu ít hơn rất nhiều so với những nhân tố khác. Trên thực tế, các vấn đề như mục tiêu, nội dung, chương trình dạy học hay sách giáo khoa v.v... chỉ là những kịch bản và mãi vẫn chỉ là kịch bản nếu không có hoạt động học hay dạy giúp hiện thực hoá và sống động. Hệ quả là rất khó có những chỉ dẫn khoa học để giúp học sinh hình thành hoạt động học cho mình và giúp giáo viên biết cách tổ chức hiệu quả các hoạt động học của học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học, nhất là trong dạy học hiện đại.

Theo một phương diện khác, dưới góc độ Tâm lí học, những vấn đề cơ bản của hoạt động học đã được làm sáng tỏ bởi nhiều lí thuyết của các nhà Tâm lí học có uy tín trên thế giới như J.Watson, B.Skinner, J.Piaget, L.X. Vugotxki v.v... trong đó có lí thuyết hoạt động tâm lí của nhà Tâm lí học Nga (Liên Xô trước đây) A.N. Leonchiev (1903 - 1979). Các công trình nghiên cứu của A.N. Leonchiev về hoạt động, đã cung cấp cơ sở tâm lí học sâu sắc để xác lập cấu trúc của các hoạt động cá nhân, trong đó có hoạt động học, đồng thời gợi ra nhiều biện pháp kĩ thuật để hình thành hoạt động này cho học sinh trong dạy học. Đáng tiếc là các thành tựu lí luận của A.N. Leonchiev hiện còn ít được vận dụng vào trong dạy học. Bài viết này đề cập vấn đề cấu trúc hoạt động theo quan điểm của A.N. Leonchiev và ứng dụng vào việc xác lập cấu trúc hoạt động học của học sinh dựa theo các luận điểm của ông, với mục đích làm sáng tỏ cấu trúc của hoạt động học tập, từ đó gợi ra các biện pháp kĩ thuật nhằm hình thành và tổ chức hoạt động học của học sinh, đáp ứng yêu cầu của dạy học hiện đại.

## 2. Cấu trúc hoạt động theo A.N. Leonchiev

Theo A.N. Leonchiev, phân tích một hoạt động bất kì, đều thấy có hai đơn vị: **Hoạt động** ↔ **Đối tượng** ↔ **Hành động** và **Hành động** ↔ **Đối tượng** ↔ **Thao tác**.

Trong đơn vị thứ nhất có ba thành phần và có sự chuyển hóa giữa chúng: **Hoạt động** ↔ **Đối tượng** ↔ **Hành động** hay **Chủ thể** ↔ **Động cơ** ↔ **Mục đích**. Trong đó, **đối tượng của hoạt động** có vai trò là **động cơ kích thích chủ thể**, còn **hành động nhằm đạt tới mục đích** có vai trò là **phương tiện để thực hiện hoạt động**.

Trước hết là sự tương tác **Hoạt động** ↔ **Đối tượng** hay **Hoạt động** ↔ **Động cơ**

Đối tượng của hoạt động là sự vật hay hiện tượng nào đó mà chủ thể vươn tới để chiếm lĩnh nó, nhằm thỏa mãn nhu cầu nhất định của chủ thể. Để có hoạt động, trước hết chủ thể phải có nhu cầu. Nhưng nhu cầu không phải là động cơ hoạt động. Nó chỉ là nguồn năng lượng phát động cá nhân hành động. Khi chủ thể gặp gỡ sự vật hay hiện tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu, thì sự vật, hiện tượng đó trở thành đối tượng của hoạt động. Khi đó, nó hấp dẫn, kích thích, lôi cuốn chủ thể đến với nó. Tức là đối tượng đóng vai trò là động cơ đích thực của hoạt động. *Nói cách khác, động cơ chính là sức hấp dẫn, lôi cuốn của đối tượng mà cá nhân cần chiếm lĩnh để thỏa mãn nhu cầu của mình.* Sức hấp dẫn, lôi cuốn của đối tượng càng lớn thì động cơ cuốn hút hoạt động càng mạnh. Một học sinh bị cuốn hút bởi bài giảng văn của cô giáo hay say mê giải toán thì bài giảng văn của cô giáo hay bài toán cần giải chính là đối tượng mà em muốn chiếm lĩnh và đó cũng chính là động cơ học của em.

Khác với động cơ trong kĩ thuật hay năng lượng sinh học đơn thuần (bản năng, động lực), *động cơ tâm lí luôn luôn là véc tơ*, được xuất phát từ đối tượng và hướng về phía cá nhân. Cá nhân cảm nhận và vươn tới nó.

Tiếp theo là **Hoạt động** ↔ **Hành động** hay **Động cơ** ↔ **Mục đích**

Để chiếm lĩnh được đối tượng thỏa mãn nhu cầu, chủ thể phải gián tiếp qua việc chiếm lĩnh *đối tượng trung gian*. *Đối tượng đó chính là mục đích*. Để chiếm được mục đích chủ thể phải tiến hành các hành động. Như vậy, để có một hoạt động, chủ thể phải tiến hành các hành động, hay để chiếm được đối tượng thỏa mãn nhu cầu, chủ thể phải đạt được nhiều mục đích. Trong hoạt động, đối tượng đóng vai trò mục đích có chức năng là phương tiện để chủ thể đạt được động cơ (chiếm được đối tượng để thỏa mãn nhu cầu của mình). *Công năng* của nó là dẫn đường cho chủ thể đến động cơ. Về phương diện này có thể ví mục đích như những bậc thang dẫn chủ thể lên các tầng cao của ngôi nhà, mỗi bậc của cầu thang là một mục đích.

Để chiếm được đối tượng thỏa mãn nhu cầu, chủ thể phải đạt nhiều mục đích. Mỗi mục đích được thực hiện bởi một hành động. Do đó, hoạt động chính là

*một chuỗi hành động. Hành động tạo thành nội dung của hoạt động.* Nếu loại khỏi hoạt động tất cả hành động thì hoạt động chẳng còn gì. Ngược lại, hoạt động chỉ có thể được thực hiện thông qua hành động.

Như vậy, trong đơn vị thứ nhất của hoạt động có quan hệ và chuyển hoá giữa **Hoạt động ↔ Đối tượng ↔ Hành động**, hay **Chủ thể ↔ Động cơ ↔ Mục đích**.

Vấn đề đặt ra tiếp theo là hành động được triển khai như thế nào? Điều này dẫn tới đơn vị thứ hai của hoạt động: **Hành động ↔ Mục đích ↔ Phương tiện hay Hành động ↔ Mục đích ↔ Thao tác**

Để thực hiện hành động, *một mặt*, chủ thể phải xác định được mục đích của hành động; phải trả lời câu hỏi: *Hành động nhằm đạt được cái gì? Mặt khác*, phải xác định được phương tiện để đạt tới mục đích đó, tức là phải trả lời được câu hỏi: *Đạt tới cái đó bằng cách nào, phương tiện nào?* Về phía chủ thể, phương tiện đó chính là các thao tác. *Thao tác có chức năng là phương tiện của hành động*; là các vận động của chủ thể đến đối tượng. Về phía khách quan, logic và cơ cấu kĩ thuật của các thao tác hoàn toàn phụ thuộc vào phương tiện (công cụ) kĩ thuật mà chủ thể sử dụng (thao tác viết bị quy định bởi cái bút, thao tác tư duy bị quy định bởi các khái niệm khoa học...).

Giữa hành động và thao tác có sự khác nhau về bản chất. Hành động là một đơn vị tâm lí trọn vẹn, bao hàm chủ thể, mục đích và các thao tác *thực hiện mục đích*. Không có hành động không có mục đích. Ngược lại, thao tác không phải là đơn vị độc lập, nó chỉ là phương tiện để thực hiện mục đích của một hành động. Vì vậy, khi xem xét hay hình thành một hành động cần tách ra hai khía cạnh: *Mục đích của hành động*, phản ánh tính chất tâm lí của hành động và *thao tác của hành động*, phản ánh kĩ thuật, hiệu quả và trình độ của hành động. Hiển nhiên là cùng một mục đích học nhưng các học sinh khác nhau sử dụng các phương tiện khác nhau (các thao tác) dẫn đến hiệu quả khác nhau.

Tóm lại, theo A.N. Leonchiev phân tích *một hoạt động sẽ tách ra được động cơ kích thích chúng*. Tiếp đến, tách ra những *hành động* – những quá trình *được hướng dẫn bởi mục đích có ý thức*. Cuối cùng là những *thao tác* phụ thuộc trực tiếp vào các phương tiện để đạt đến mục đích và các điều kiện khách quan, mà trong đó chủ thể tiến hành thao tác.

Việc phát hiện cấu trúc chung của hoạt động có ý nghĩa hàng đầu trong việc giải quyết hàng loạt vấn đề lí luận và thực tiễn nói chung và của dạy học, mà trước hết là vấn đề hình thành hoạt động học tập cho học sinh.

### 3. Cấu trúc hoạt động học tập của học sinh

#### 3.1. Hoạt động học là gì?

Để thông báo trạng thái cảm xúc của mình, trẻ em có thể kêu ú ớ, đó là phản xạ bản năng. Nhưng

cũng để thể hiện trạng thái đó, trẻ biết dùng tiếng nói (ngôn ngữ) chung của cộng đồng, thì đó không còn là bản năng nữa, mà là văn hóa. Tương tự, cá nhân biết đọc, biết viết, biết tính toán; biết lao động tạo ra của cải, biết sáng tạo ra khoa học, công nghệ, nghệ thuật, thi ca, đạo đức, pháp luật; biết yêu, biết ghét, biết nuôi dạy con cái, biết tôn trọng, chấp nhận và hợp tác với người khác v.v. Khát quát lại, tất cả mọi khía cạnh của cá nhân, *từ không biết đến biết, từ không đến có*; từ đứa trẻ - một cá thể động vật, trở thành đứa trẻ - một cá nhân văn hóa trong cộng đồng, đều là kết quả của học. Học là cá nhân tự tái tạo ra chính mình. Qua học tập, cá nhân nhận thức lại thế giới và quan hệ của mình với thế giới. Qua học tập, cá nhân mở rộng khả năng sáng tạo bản thân và thế giới.

Vì vậy, hoạt động học là hoạt động chiếm lĩnh các sự vật, hiện tượng, thỏa mãn nhu cầu sáng tạo ra cá nhân, *với tư cách là một con người văn hoá, nhờ đó có được những năng lực người, để sống được trong điều kiện thực tế của một nền văn hoá, xã hội nhất định. Tóm lại, hoạt động học là hoạt động sáng tạo ra các năng lực người ở mỗi cá nhân, mà trước đó chưa có.*

#### 3.2. Vận dụng lí thuyết hoạt động của A.N. Leonchiev vào cấu trúc của hoạt động học

Vận dụng quan điểm lí luận của A.N. Leonchiev về cấu trúc của hoạt động vào phân tích cấu trúc hoạt động học, có thể xác định được các đơn vị của nó.

##### 3.2.1. Động cơ học hay đối tượng học

Nút thắt đầu tiên và là chìa khoá mở ra cánh cửa hoạt động học là động cơ hay đối tượng học.

Có người ít người giải thích động cơ học có thể là nhu cầu, sự sợ hãi, sự ép, sự tự tin, quan tâm, ham hiểu biết, niềm tin, giá trị, kì vọng, sự khích lệ v.v..., tức là những dấu hiệu thuộc về tâm lí, nhân cách và đặc điểm cá nhân. Các cách giải thích như vậy đều chưa triệt để.

Trong thực tế dạy học, nhiều học sinh say sưa giải các bài toán, những em khác lại hướng đến các tác phẩm văn chương, nghệ thuật, nhóm thứ ba đam mê thiết kế và sáng tạo ra các mô hình kĩ thuật v.v... Điều gì khiến các em đam mê hoạt động như vậy? Rõ ràng không gì khác ngoài các bài toán, bài văn hay các mô hình kĩ thuật... còn ở bên ngoài học sinh. Những cái đó chính là đối tượng các em đang tìm kiếm, chiếm lĩnh và chúng có sức hấp dẫn, lôi cuốn các em. Như vậy, động cơ học thực sự của học sinh là đối tượng học có liên quan tới sự thỏa mãn nhu cầu học của các em. Chính *đối tượng học kích thích, hấp dẫn và kéo học sinh đến với nó.*

Đối tượng học chính là những nội dung học gắn với nhu cầu học của học sinh, mà khi chiếm lĩnh được chúng, học sinh thỏa mãn nhu cầu học của mình.

Có ít nhất ba điểm nổi trội về đối tượng:



*Thứ nhất: Đối tượng của hoạt động học chính là nội dung học, đáp ứng nhu cầu học của học sinh, mà khi chiếm lĩnh được chúng, học sinh đạt được mục tiêu học, thoả mãn được nhu cầu học của mình.*

Bất kì đối tượng của hoạt động nào cũng phải gắn liền với nhu cầu nhất định của chủ thể. Không có nhu cầu học, học sinh không nảy sinh tính tích cực học, do đó, không thực sự học. Đối tượng học không thoả mãn được nhu cầu học, không thể trở thành động cơ thực sự lôi cuốn học sinh học. Vì vậy, yếu tố quyết định tới hiệu quả dạy học là ở chỗ, giáo viên, một mặt làm nảy sinh nhu cầu học của học sinh, mặt khác, tạo ra đối tượng học thoả mãn được nhu cầu học của các em và yêu cầu của xã hội. Cụ thể, trong dạy học, việc *thiết kế nội dung học tập cho học sinh là nhân tố có tính chất quyết định*; là yếu tố gắn liền với việc tạo động cơ học tập của các em. Nếu nội dung học thoả mãn được nhu cầu học của học sinh sẽ hấp dẫn, lôi cuốn các em học bài. Ngược lại, nếu không phải là đối tượng để thoả mãn nhu cầu học, học sinh sẽ tìm đối tượng khác, ở nơi khác. Khi đó, việc học sẽ trở thành cưỡng bức, kém hiệu quả và không phù hợp với bản chất của học tập.

*Thứ hai: Học là hoạt động sáng tạo ra các năng lực người ở học sinh, thông qua việc học sinh đó chiếm được đối tượng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mình và cách học sinh chiếm được đối tượng học. Vì vậy, sự phong phú về tâm hồn của học sinh phụ thuộc vào: a) Sự phong phú về nhu cầu phát triển của học sinh; b) sự phong phú về đối tượng học để thỏa mãn nhu cầu phát triển; c) các phương pháp, cách thức đạt được đối tượng học của học sinh.* Do đó, làm nảy sinh và nuôi dưỡng nhu cầu học của học sinh, thiết kế nội dung học tập đáp ứng nhu cầu học của các em và tổ chức cho học sinh tương tác với đối tượng học, bằng các phương pháp, phương tiện khác nhau là các yếu tố quyết định chất lượng và trình độ dạy học trong nhà trường.

*Thứ ba: Đối tượng học không xuất hiện đầy đủ, trọn vẹn ngay từ đầu, mà bộc lộ dần bản chất của mình tùy theo sự tiến triển của hoạt động học. Đối tượng chỉ lộ ra hoàn toàn khi học sinh kết thúc hoạt động học và chiếm lĩnh được đối tượng đó.*

Đối với cháu bé đang đói, chiếc bánh mì ở trước mặt chỉ tồn tại như là một biểu tượng của đối tượng thoả mãn cái đói, bản chất của nó chưa được lộ ra trước đứa trẻ. Quá trình tiến hành hàng loạt hành động tiếp theo của cháu bé với cái bánh, làm lộ dần bản chất của nó. Khi kết thúc các hành động, chiếc bánh được ăn, thì bản chất của nó mới được lộ ra hoàn toàn đối với cháu bé. Việc học cũng giống như vậy. Đối tượng học lúc đầu xuất hiện trước học sinh như một biểu tượng ở trong đầu, còn đối tượng thực vẫn ở bên ngoài, chỉ sau quá trình *tăng dần các hành*

*động tác động lên đối tượng đó*, thì bản chất của nó mới dần được lộ ra trước học sinh. Kết thúc các hành động, học sinh chiếm lĩnh được đối tượng. Khi đó, bản chất của nó mới được lộ ra hoàn toàn. Trong quá trình học sinh tác động vào đối tượng học, vai trò của giáo viên có ý nghĩa chủ đạo: *Định hướng, trợ giúp, giám sát, điều chỉnh hành động của các em và thường xuyên khuyến khích, động viên các em.*

### 3.2.2. Hành động học hay mục đích học

*Hành động học chính là hệ thao tác của người học nhằm chiếm lĩnh một đối tượng học nhất định mà việc chiếm lĩnh đối tượng đó cung cấp cho học sinh phương tiện để đạt tới đối tượng học với tư cách là động cơ học, thoả mãn nhu cầu học.*

*Đối tượng học sinh nhận thấy cần phải chiếm lĩnh để làm phương tiện như vậy chính là mục đích của hành động học. Ngắn gọn hơn, mục đích học là phương tiện để học sinh thoả mãn động cơ học.*

Một học sinh có nhu cầu giải bài toán. Đối tượng thoả mãn nhu cầu là bài toán. Nhưng để chiếm được đối tượng (giải được toán), học sinh không thể chuyển toàn bộ bài toán vào trong đầu mà phải tách ra nhiều công đoạn: Đọc và phân tích đầu bài, cấu trúc lại đầu bài, xây dựng giả thuyết, xác định các chiến lược giải, liên hệ và huy động các kiến thức, phương pháp đã có, tiến hành các bước giải và kiểm tra lại giả thuyết ban đầu v.v... tức là tiến hành các hành động giải toán theo một logic phù hợp. Việc tổ chức buổi "xemina" về một chủ đề nhất định của nhóm học sinh cũng tương tự. Động cơ (đối tượng) ở đây là buổi "xemina". Để đạt được động cơ này, nhóm cũng phải tiến hành nhiều hành động theo một logic: Xác định chủ đề, giao nhiệm vụ người chuẩn bị trước, bầu nhóm trưởng và thư kí, chuẩn bị phương tiện, thiết bị và tài liệu, tổ chức báo cáo và trao đổi, nhận xét, đánh giá và kết luận v.v... Điểm chung trong cả hai trường hợp là để đạt được đối tượng học (với tư cách là động cơ học), học sinh phải tiến hành hàng loạt hành động theo một logic nhất định. Mỗi hành động tạo ra một sản phẩm thành phần, có chức năng là phương tiện để triển khai hành động tiếp theo, cho đến hành động cuối cùng để đạt được đối tượng học đó.

### 3.2.3. Thao tác học và phương tiện học

*Thao tác học là cơ cấu kĩ thuật để học sinh tiến hành hành động học, là phương tiện đạt được các mục đích học.* Để giải một bài toán, tức là triển khai hành động học (hành động giải toán), thì học sinh phải thực hiện các bước theo logic: Đọc đầu bài, tìm hiểu các dữ kiện, cấu trúc lại đầu bài, nêu giả thuyết, dự kiến kế hoạch giải, tìm và huy động kiến thức v.v... Mỗi bước như vậy là một hệ thao tác học. Nếu các bước này không được triển khai hoặc triển khai không đúng, hành động giải toán sẽ không được

thực hiện hoặc thực hiện sai. Như vậy, *thao tác học là lõi kĩ thuật của hành động học, quyết định quá trình, trình độ và hiệu quả của hành động học*. Nói cách khác, thực chất của hành động học là sự vận hành của các thao tác học theo một logic nhất định để đạt được mục đích học.

*Thao tác học được hình thành và được quy định bởi các phương tiện học*. Điều này giống cấu tạo và chức năng, công dụng của cái bút quy định cách viết, cách tiến hành các thao tác viết của học sinh. Cấu trúc của ngữ âm và quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ (chữ viết) quy định các thao tác đọc của cá nhân.

Trong hành động học, thao tác có vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định hiệu quả và trình độ của hành động học và do đó, quy định trình độ và hiệu quả của hoạt động học. Mặt khác, các thao tác học hoàn toàn phụ thuộc vào phương tiện học. Các thao tác tư duy hoàn toàn phụ thuộc vào các phương tiện tri thức. Tư duy kinh nghiệm sử dụng tri thức kinh nghiệm, còn tư duy lí luận sử dụng khái niệm khoa học, lí luận. Tư duy lí luận cao hơn, sâu sắc hơn, khái quát hơn so với tư duy kinh nghiệm. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của hoạt động dạy là hình thành và rèn luyện cho học sinh cách sử dụng phương tiện học tập, tức là hình thành và rèn luyện các thao tác học, cũng tức là phương pháp học.

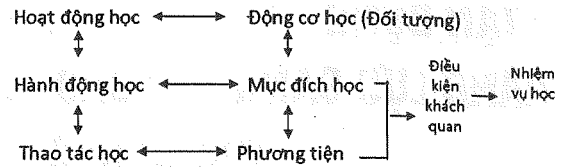
### 3.2.4. Nhiệm vụ học

Trong cấu trúc của hoạt động học, hành động học là phương tiện để đạt tới động cơ học, còn thao tác học là cơ cấu kĩ thuật (là phương tiện) để triển khai hành động học đến mục đích. Tuy nhiên, việc xác định mục đích học và triển khai các thao tác học của học sinh bao giờ cũng được triển khai trong điều kiện, hoàn cảnh thực, phù hợp với các điều kiện chủ quan (các yếu tố bên trong của học sinh như vốn tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng đã có, các trạng thái tâm - sinh lí v.v...) và khách quan (sự tác động của thầy giáo, tài liệu học, môi trường lớp học v.v...) cho phép, tức là phải xác định được nhiệm vụ học.

*Nhiệm vụ học là mức độ ý thức của học sinh về mục tiêu, nội dung, thao tác học và các điều kiện cụ thể để triển khai việc học của mình trong khoảng không gian, thời gian nhất định (tại đây và bây giờ)*.

### 4. Kết luận

Tóm lại, trong hệ thống hoạt động học, có thể tách ra được các hoạt động học cụ thể, dựa theo động cơ (đối tượng) kích thích chúng. Tiếp đến, tách ra những hành động học - những quá trình được hướng dẫn bởi mục đích học. Cuối cùng là những thao tác học phụ thuộc trực tiếp vào các phương tiện để đạt đến mục đích cụ thể, trong những điều kiện khách quan nhất định, tức là thực hiện những nhiệm vụ học nhất định. Có thể mô hình hoá quan hệ bên trong của hoạt động học bằng sơ đồ sau:



Việc phát hiện cấu trúc chung của hoạt động học có ý nghĩa hàng đầu trong việc giải quyết hàng loạt vấn đề lí luận và thực tiễn. Chẳng hạn, trong lĩnh vực học tập, trước hết phải hình thành và phát triển hoạt động học cho học sinh. Muốn làm được điều đó, đầu tiên và quan trọng nhất là phải hình thành, nuôi dưỡng và phát triển các nhu cầu học tập mang tính phát triển ở học sinh; thiết kế nội dung học tập của học sinh hướng đến thỏa mãn nhu cầu phát triển của các em. Sau đó hình thành ở các em hành động học. Muốn vậy, giáo viên (và học sinh) phải xác định rõ ràng, đầy đủ, sâu sắc và triệt để mục đích của hành động và các thao tác (phương tiện) triển khai tới mục đích đó. Tùy theo điều kiện học tập cụ thể, giáo viên giúp học sinh xác định cho mình nhiệm vụ học, tức là ý thức được thật rõ mục đích cần đạt tới và các phương tiện (các thao tác, các phương pháp) học trong hoàn cảnh đó.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự án Việt - Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại*, NXB Giáo dục.
3. A.N. Leonchiev (1989), *Hoạt động ý thức nhân cách*, NXB Giáo dục.
4. Phan Trọng Ngọ (2003), *Các lí thuyết phát triển tâm lí người*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Trần Tuyết Oanh (2004), *Giáo trình Giáo dục học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
6. Nguyễn Cảnh Toàn - Lê Khánh Bằng (2009), *Phương pháp dạy và học đại học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### SUMMARY

*The recognition of a common structure of learning activities is of significant importance in addressing a series of theoretical and practical issues. For example, in the field of learning, it is first necessary to formulate and develop learning activities for students. The article has referred briefly to structure of activities according to the perspective of A.N. Leonchiev and applied it to establishing the structure of learning activities for students based on his prepositions, with a view to clarifying the structure of learning activities, whereby to suggest technical measures for formulating and organizing learning activities for students, hence meeting requirements of modern teaching.*